



BẢN TIN PHÁP LUẬT
Tháng 08-2018

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp về chính sách thuế
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế

VĂN BẢN QUẢN LÝ VỀ NHÀ NƯỚC

- Thông tư 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.
- Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 Quy định chi tiết về giá sản phẩm, Dịch vụ Thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Hỏi đáp về chính sách thuế:

Hỏi

Tôi xin hỏi Quý bộ câu hỏi như sau: Công ty tôi có trụ sở chính ở Tỉnh Hải Dương chuyên sản xuất bao bì các loại. Năm nay Công ty tôi có xây dựng một nhà xưởng ở Quảng Ninh để thực hiện 1 công đoạn (cụ thể là may bao) tại đó. Việc hạch toán kế toán tại trụ sở chính là ở Hải Dương. Vậy tôi hỏi Quý bộ việc kê khai thuế và nộp thuế thực hiện như thế nào. Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

1. Khai, nộp lệ phí môn bài:

Căn cứ Điểm a.2, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn khai, nộp lệ phí môn bài.

“Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở khác địa phương cấp tỉnh nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp công ty có trụ sở chính ở Hải Dương thành lập một nhà xưởng ở Quảng Ninh thì nhà xưởng ở Quảng Ninh thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài tại Quảng Ninh.

2. Kê khai, nộp thuế GTGT:

Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế quy định về Khai thuế Giá trị gia tăng:

“...Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán thì người nộp thuế thực hiện khai thuế tại trụ sở chính và nộp thuế cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc...”



Căn cứ quy định nêu trên, nếu nhà xưởng may bao ở Quảng Ninh không thực hiện hạch toán kế toán thì kê khai thuế tại trụ sở chính ở Hải Dương và nộp thuế cho Quảng Ninh nơi có cơ sở sản xuất. Trường hợp nếu trụ sở chính không phát sinh số thuế phải nộp thì không phải nộp thuế cho Quảng Ninh nơi có cơ sở sản xuất.

3. Kê khai nộp thuế TNCN:

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Kê khai nộp thuế TNCN:

“Tổ chức, cá nhân trả thu nhập là cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp cá nhân ký hợp đồng trực tiếp với nhà xưởng ở Quảng Ninh, đăng ký giảm trừ gia cảnh tại cơ sở sản xuất, có thỏa thuận nhờ công ty trả tiền lương thì cơ sở sản xuất có trách nhiệm khai thuế TNCN với cơ quan thuế ở Quảng Ninh.

Trường hợp Công ty ký hợp đồng lao động với người lao động và cử người lao động đến Chi nhánh làm việc, các cá nhân đăng ký giảm trừ tại Công ty, công ty thực hiện chi trả lương thì kê khai thuế TNCN tại Công ty.

4. Kê khai nộp thuế TNDN:

Căn cứ điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi điều 12 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn Kê khai nộp thuế TNDN.

Căn cứ quy định nêu trên, hàng quý Công ty thực hiện tạm nộp thuế TNDN tại Hải Dương nơi có trụ sở chính và Quảng Ninh nơi có cơ sở sản xuất (không phải nộp tờ khai quý); khi nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN Công ty có trách nhiệm kê khai toàn bộ tại trụ sở chính bao gồm cả phần phát sinh của Chi nhánh tại Quảng Ninh.

2. Các công văn trả lời về thuế

Công văn số 48083/CT-TTHT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc hạch toán CP lãi vay đối với DN có giao dịch liên kết và CP đào tạo hỗ trợ cho NLĐ.

Trả lời công văn số 07052018/CV-HRCC/2017 ngày 07/05/2018 của Trung tâm thương mại và nhà ở Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty), Cục thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính Phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ

Căn cứ các quy định trên và theo nội dung công văn đơn vị hỏi, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

1. Hạch toán chi phí của Công ty có giao dịch liên kết

Trường hợp Công ty là đối tượng nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP thì:

- Về chi phí lãi vay: Công ty xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.

- Về việc chuyển chi phí lãi vay vượt quá mức khống chế theo quy định tại Nghị định số 20/2017/NĐ-CP nêu trên ra nước ngoài để trả nợ không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thuế.

- Về hạch toán chi phí nộp thay thuế nhà thầu tương ứng với khoản chi phí lãi vay vượt quá 20% EBITDA: Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, doanh thu nhà thầu nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty được hạch toán chi phí thuế TNDN nộp thay cho nhà thầu nước ngoài vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định tại Khoản 2.37 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC) nếu chi phí này phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đáp ứng các điều kiện về chi phí được trừ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC).

2. Hạch toán chi phí đào tạo nhân viên quản lý

Trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi phí đào tạo nhân viên nhằm nâng cao kỹ năng quản lý phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, được ghi rõ trong quy chế lao động của Công ty và có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì khoản chi đào tạo này được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của Công ty. Khoản chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động trong Công ty không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động theo quy định tại tiết 6 Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Công văn số 48090/CT-TTHT ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc thời gian trích khấu hao đối với tài sản thuê tài chính.

Trả lời công văn số MKTC-005-201802 ngày 21/5/2018 của Công ty TNHH Điện tử Meiko Thăng Long (sau đây gọi tắt là công ty) đề nghị hướng dẫn về thời gian trích khấu hao tài sản thuê tài chính. Về vấn đề này, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

Căn cứ các quy định trên và hồ sơ tài liệu do công ty cung cấp, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Công ty tự quyết định phương pháp trích khấu hao, thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi bắt đầu thực hiện.

Trường hợp công ty thuê tài sản cố định theo hình thức thuê tài chính (gọi tắt là TSCĐ thuê tài chính), hết thời gian thuê tài chính, công ty mua lại các TSCĐ đó thì công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ đi thuê như TSCĐ thuộc sở hữu của công ty. Về thời gian trích khấu hao TSCĐ, đề nghị công ty căn cứ vào tình trạng thực tế của TSCĐ thuê tài chính (còn mới hoặc đã qua sử dụng) để xác định theo hướng dẫn tại Điều 10 Thông tư 45/2013/TT-BTC nêu trên.

Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, công ty thuê TSCĐ thuê tài chính cam kết không mua lại tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính, thì công ty được trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính theo thời hạn thuê trong hợp đồng.

Phần trích khấu hao nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 và không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC nêu trên (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC) thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Công văn số 48097/CT-TTHT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc tỷ giá tính thuế nhà thầu.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 125/PHKQ6 đề ngày 20/03/2018 của Cục phát hành và kho quỹ (sau đây gọi tắt là đơn vị) hỏi về chính sách thuế, sau khi báo cáo xin ý kiến Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính (hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ sửa đổi, bổ sung Điều 27 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Căn cứ công văn số 2586/TCT-CS ngày 28/6/2018 của Tổng cục Thuế về việc tỷ giá tính thuế nhà thầu.

Căn cứ hướng dẫn trên và nội dung trình bày của đơn vị:

- Từ ngày 01/01/2015, trường hợp Nhà thầu nước ngoài có tài khoản mở tại Ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi

ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của NHTM nơi Nhà thầu nước ngoài mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán.

- Trường hợp Nhà thầu nước ngoài không mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại ở Việt Nam nhưng nhận được doanh thu bằng ngoại tệ (đô la Mỹ) do Bên Việt Nam thanh toán cho nhà thầu nước ngoài thông qua tài khoản mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam của Bên Việt Nam thì áp dụng tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Bên Việt Nam mở tài khoản để quy đổi doanh thu tính thuế của Nhà thầu nước ngoài từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam theo quy định.

Công văn số 48217/CT-TTHT ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc hướng dẫn điều chỉnh hóa đơn GTGT bán hàng.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về xử lý đối với hóa đơn đã lập:

- Căn cứ tiết b Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Tổng Công ty cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Tổ hợp nhà thầu JGCS vào năm 2017, các hóa đơn này Tổng Công ty đã kê khai thuế đầu ra và JGCS đã kê khai thuế GTGT đầu vào. Sau đó, bên mua thay đổi nội dung cột hàng hóa dịch vụ, đơn vị tính nhưng không thay đổi số tiền và hai bên đã lập biên bản điều chỉnh hóa



đơn; thì Tổng Công ty lập hóa đơn điều chỉnh sai sót, hóa đơn ghi rõ nội dung đã ghi sai, nội dung điều chỉnh, số hóa đơn, ký hiệu, ngày tháng năm hóa đơn đã lập cần điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính.

Công văn số 48508/CT-TTHT ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc khấu trừ thuế GTGT của TSCĐ phục vụ hoạt động chịu thuế và không chịu thuế.

Trường hợp CN Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam - Nhà in Ngân hàng I có mua một tài sản cố định (trên 20 tỷ đồng) sử dụng đồng thời cho sản xuất sản phẩm chịu thuế và không chịu thuế thì:

- CN Công ty chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. CN Công ty phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. CN Công ty kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT hàng tháng/quý tạm phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào được khấu trừ trong tháng/quý, cuối năm CN Công ty thực hiện tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm để kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào đã tạm phân bổ khấu trừ theo tháng/quý.

Đối với phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, CN Công ty được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Khoản 9 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp CN Công ty là tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng thì thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh

ng nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Công văn số 2775/TCT-CS ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc xử phạt về hóa đơn.

Trả lời công văn số 11755/CT-QLAC ngày 27/03/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội và công văn số 6608/CT-KT1 ngày 23/08/2017 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai về xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;

Căn cứ quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn; khoản 1 Điều 13 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về đối tượng áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng;

Căn cứ quy định tại Điều 3, khoản 5 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn;

Căn cứ quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn;

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính về nguyên tắc áp dụng và hình thức xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn;

Căn cứ các quy định trên, trường hợp người bán sử dụng hóa đơn trong thời gian cơ quan thuế có Quyết định về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng hoặc Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký còn hiệu lực là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp; cơ quan thuế thực hiện xử lý như sau:

- Xử phạt đối với người mua: Người mua hàng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, không được kê khai khấu trừ thuế GTGT và tính chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Xử phạt đối với người bán: Trường hợp người bán sử dụng nhiều số hóa đơn bất hợp pháp thì khi bị phát hiện người bán bị xử phạt về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và có tình tiết tăng nặng do vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính của cơ quan thuế.

Công văn số 2781/TCT-KK ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục thuế về việc khai thuế GTGT.

Trả lời công văn số 02/2018-FV ngày 06/6/2018 của Công ty TNHH Freeview Industrial (VN) về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau :

Căn cứ hướng dẫn về nguyên tắc khấu trừ thuế tại Khoản 8 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT:

Căn cứ hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

Căn cứ Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC nêu trên.

Căn cứ hướng dẫn khai bổ sung hồ sơ khai thuế tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của

Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

Căn cứ hướng dẫn nêu trên:

- Trường hợp Công ty nhận được hóa đơn GTGT đầu vào từ các nhà cung cấp trong tháng 01/2018 thì Công ty phải khai vào chỉ tiêu giá trị [23] và thuế GTGT [24] của hàng hóa, dịch vụ mua vào tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 01/2018.

Nếu Công ty nhận thấy hóa đơn GTGT nêu trên chưa đủ điều kiện khấu trừ thuế do chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định thì Công ty loại trừ số thuế GTGT ghi trên các hóa đơn nêu trên khi tổng hợp khai chỉ tiêu tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [25] tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 01/2018.

Đến tháng 3/2018 Công ty có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hóa đơn GTGT nêu trên thì Công ty khai số thuế GTGT ghi trên các hóa đơn nêu trên vào chỉ tiêu điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước [38] tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 3/2018.

- Trường hợp Công ty nhận được hóa đơn GTGT đầu vào từ các nhà cung cấp trong tháng 01/2018 nhưng không tổng hợp khai vào chỉ tiêu giá trị [23] và thuế GTGT [24] của hàng hóa, dịch vụ mua vào tại Tờ khai 01/GTGT kỳ tính thuế tháng 01/2018, mà tổng hợp khai vào Tờ khai thuế GTGT kỳ tính thuế tháng 3/2018 thì Công ty chỉ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT liên quan đến hóa đơn GTGT này nếu cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền chưa công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở Công ty đối với kỳ tính thuế tháng 01/2018.

Công văn số 49274/CT-TTHT ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc khai thuế GTGT, lệ phí môn bài.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 514/CV-CLM đề ngày 29/6/2018 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu than - Vinacomin (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 19 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về đăng ký doanh nghiệp quy định bổ sung dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:



- Căn cứ Phụ lục II-11 phần danh mục các mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh (Kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Căn cứ Điều 12 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài:

- Căn cứ Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, quy định về khai thuế GTGT:

- Căn cứ Điều 45 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội:

Căn cứ quy định và hướng dẫn trên:

1. Về việc kê khai, nộp thuế GTGT:

- Trường hợp Công ty thành lập trạm chế biến than tại Hải Dương không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại Công ty (Hà Nội).

- Trường hợp trạm chế biến than trực tiếp bán hàng thì phải đăng ký kê khai, nộp thuế tại Hải Dương theo quy định.

2. Về việc nộp lệ phí môn bài:

Nếu trạm chế biến than là địa điểm kinh doanh của Công ty thì Công ty thực hiện khai, nộp lệ phí môn bài của trạm chế biến than cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trạm chế biến than (tại Hải Dương).

Nội dung Công ty hỏi về việc đăng ký kho hàng đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh để được hướng dẫn cụ thể.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 2 để được hướng dẫn cụ thể.

Công văn số 49275/CT-TTHT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc trả lời chính sách thuế.

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất để tổ chức hội nghị, hội thảo cho các tổ chức, cá nhân làm việc trong khu chế xuất (địa điểm tổ chức ngoài khu chế xuất) không thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và phải áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

Nếu Công ty đã hoàn tất việc cung cấp dịch vụ nêu trên cho khách hàng mà ghi sai mức thuế suất thuế GTGT và đã kê khai thuế, thì hai bên thực hiện lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời lập hóa đơn điều chỉnh theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư 39/2014/TT-BTC. Việc xác định số thuế GTGT phải nộp thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC đã nêu trên.

Việc xác định chi phí hợp lệ khi tính thuế TNDN, Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC như đã nêu.

Công văn số 51690/CT-TTHT ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc khấu trừ thuế GTGT đối với chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu bị sai sót.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 012018/SMCHN của Chi nhánh Công ty TNHH MTV SMC Pneumatics (Việt Nam) tại Hà Nội hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa thì hoạt động này được kê khai, khấu trừ số thuế GTGT hàng nhập khẩu nếu đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Các khoản chi phí đáp ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Trường hợp Công ty nộp tiền thuế nội địa vào ngân sách nhà nước nhưng ghi sai các thông tin trên chứng từ nộp thuế, Công ty thực hiện lập thư tra soát (mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính) kèm theo chứng từ nộp thuế hoặc thông tin liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh sai sót gửi cho cơ quan thuế.

Trường hợp Công ty nộp tiền thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách nhà nước nhưng ghi sai các thông tin trên chứng từ nộp tiền thì đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan hải quan để được hướng dẫn cụ thể.

Trường hợp sai sót cụ thể trên chứng từ nộp thuế, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn cụ thể.

VĂN BẢN QUẢN LÝ VỀ NHÀ NƯỚC

Thông tư 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018 và thay thế Thông tư số 195/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Theo thông tư này Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được nộp 100% vào ngân sách Nhà nước và được tính căn cứ theo mức vốn đầu tư với biểu mẫu sau:

- Dự án công trình dân dụng: từ 8,0 triệu đồng – 84,0 triệu đồng
- Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông): từ 8,6 triệu đồng – 86,0 triệu đồng
- Dự án Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thủy lợi: từ 8,8 triệu đồng – 88,0 triệu đồng
- Dự án giao thông: từ 9,2 triệu đồng – 92,0 triệu đồng
- Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các Dự án khác (không thuộc nhóm 1,2,3,4,5 nêu trên): từ 6,0 triệu đồng – 61,0 triệu đồng.

Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 Quy định chi tiết về giá sản phẩm, Dịch vụ Thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Nghị định này quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, lộ trình thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (bao gồm giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác); đối tượng, phạm vi, phương thức; mức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Hỗ trợ 100% tiền sử dụng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ đối với:
 - + Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất lương thực;
 - + Hộ gia đình, cá nhân nghèo theo quy định của Nhà nước giao sử dụng đất nông nghiệp;
 - + Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để làm muối;
 - + Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức để trồng rau, cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản,....
 - + Hộ gia đình, cá nhân làm nông trường viên đã nhận đất trong hạn mức giao khoán ổn định của công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp;

- Hỗ trợ 100% tiền sản phẩm, dịch vụ đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị.

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động thủy lợi trên lãnh thổ Việt Nam gồm chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Đối với tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi gồm: Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi; Ban quản lý, khai thác công trình thủy lợi; trạm quản lý, khai thác công trình thủy lợi vẫn tiếp tục thực hiện như đối với các doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở trong thời gian chờ thực hiện chuyển đổi sang các loại hình tổ chức khai thác công trình thủy lợi phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368